

	St số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1						Tổng số HS có KQDG	Lớp 2					Tổng số HS có KQDG	Lớp 3				
			Trong tổng số					Trong tổng số					Trong tổng số							
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	
I. Kết quả học tập																				
1. Tiếng Việt																				
Điểm 10	694	694	263	124	132	60		3	200	108	102	56		1	231	110	115	62		
Điểm 9		209	87	51	37	23			64	47	31	23			58	30	21	12		
Điểm 8		153	66	32	33	16			30	21	14	13			59	37	30	21		
Điểm 7		134	45	21	27	12			47	24	30	12			42	16	23	9		
Điểm 6		83	24	5	10	2			26	7	11	3		1	35	14	18	10		
Điểm 5		58	16	8	8	2			18	3	8	2			24	7	13	5		
Dưới điểm 5		33	11	3	9	3			13	5	7	2			9	4	7	4		
2. Toán																				
Điểm 10	694	694	263	124	132	60		3	2	1	1	1			4	2	3	1		
Điểm 9		182	81	40	35	20		3	200	108	102	56		1	231	110	115	62		
Điểm 8		147	56	28	20	9			61	40	27	15			40	22	16	9		
Điểm 7		113	41	18	27	13			43	27	28	21			48	21	20	10		
Điểm 6		95	34	20	19	9			34	18	17	10		1	40	20	19	12		
Điểm 5		86	22	8	11	4			21	11	9	4			40	19	20	12		
Điểm 5		51	16	6	12	3			28	7	14	3			36	12	19	6		
Dưới điểm 5		18	13	4	8	2		3	11	4	6	2			24	14	19	12		
3. TH-CN (Công nghệ)																				
Điểm 10	694	231						3	2	1	1	1			3	2	2	1		
Điểm 9		76													231	110	115	62		
Điểm 8		58													76	40	31	15		
Điểm 7		26													58	31	27	19		
Điểm 6		28													26	11	18	8		
Điểm 5		20													28	10	14	5		
Điểm 5		21													20	10	12	8		
Dưới điểm 5		2													21	6	12	6		
4. TH-CN (Tin học)																				
Điểm 10	231	231													2	2	1	1		
Điểm 9		2													231	110	115	62		
Điểm 8		65													2	2				
Điểm 7		8													65	33	19	9		
Điểm 6		28													8	2	3			
Điểm 5		40													28	11	17	8		
Điểm 5		88													40	18	20	12		
Dưới điểm 5															88	44	56	33		
5. Ngoại ngữ																				
Điểm 10	231	231																		
Điểm 9		30													231	110	115	62		
Điểm 8		39													30	16	7	3		
Điểm 7		39													39	21	19	12		
Điểm 6		52													39	24	18	12		
Điểm 5		43													52	22	28	14		
Điểm 5		28													43	14	23	9		
Dưới điểm 5															28	13	20	12		

Song Lộc, ngày 25/5/2023



Lâm Thị Mai

2. Điểm thi học sinh

	Số	Thang số HS có KQĐC	Lớp 4					Lớp 5				
			Thang số HS có KQĐC	Trong tổng số				Thang số HS có KQĐC	Trong tổng số			
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép
1. Kết quả học tập												
Điểm 10	303	303	243	127	113	56		260	121	123	61	
Điểm 9		128	58	44	20	13		80	54	31	21	1
Điểm 8		150	69	46	30	21		81	37	36	19	
Điểm 7		101	56	23	29	12		45	17	25	11	
Điểm 6		44	22	7	12	3		22	7	12	6	
Điểm 5		43	26	4	14	2		17	1	11	1	1
Điểm 4		27	12	3	8	3		15	5	8	3	
Điểm 3												
Điểm 2												
Điểm 1												
Điểm 0												
Điểm 10	303	303	243	127	113	56		260	121	123	61	1
Điểm 9		219	79	50	24	14		140	74	30	27	
Điểm 8		92	56	36	29	19		36	21	22	15	
Điểm 7		56	31	12	18	8		23	8	16	6	
Điểm 6		41	25	10	11	5		16	6	7	4	
Điểm 5		35	23	9	12	3		12	4	8	3	
Điểm 4		60	29	10	19	7		31	8	20	6	1
Điểm 3												
Điểm 2												
Điểm 1												
Điểm 0												
Điểm 10	303	303	243	127	113	56		260	121	123	61	1
Điểm 9		259	96	60	23	14		163	84	71	38	
Điểm 8		100	66	38	39	24		34	17	13	8	
Điểm 7		48	24	14	14	7		24	7	13	3	1
Điểm 6		28	13	5	9	3		13	4	7	4	
Điểm 5		31	19	5	12	4		12	6	8	3	
Điểm 4		37	23	3	16	4		14	3	9	3	
Điểm 3												
Điểm 2												
Điểm 1												
Điểm 0												
Điểm 10	303	303	243	127	113	56		260	121	123	61	1
Điểm 9		267	110	69	38	25		157	82	73	39	1
Điểm 8		91	54	30	30	15		37	21	16	11	
Điểm 7		35	11	5	4	2		24	8	9	4	
Điểm 6		27	12	5	7	2		15	1	9	1	
Điểm 5		19	9	4	4	1		10	2	6	1	
Điểm 4		64	47	14	30	11		17	7	10	5	
Điểm 3												
Điểm 2												
Điểm 1												
Điểm 0												

Ngày 02	303	303	243	127	113	56	260	121	123	61	1
Điểm 10		88	104	29	6	6	50	36	13	11	
Điểm 9		121	54	31	27	14	65	35	35	19	
Điểm 8		80	57	30	21	11	27	10	12	3	
Điểm 7		86	44	18	21	10	42	18	18	10	
Điểm 6		38	23	10	18	8	34	8	19	6	
Điểm 5		71	29	9	20	7	42	14	26	10	1
Danh điểm 5											
6. TH-CN (Tia An)	303	336	243	127	113	56	93	46	70	36	
Điểm 10		44	37	21	3	1	7	3	6	3	
Điểm 9		115	65	39	39	27	25	19	18	14	
Điểm 8		39	27	21	10	10	10	6	6	3	
Điểm 7		44	25	11	16	7	12	3	10	3	
Điểm 6		35	27	4	17		8	2	5	2	
Điểm 5		39	28	11	26	11	31	13	25	11	
Danh điểm 5											
7. Tổng điểm	303	159	88	38	84	36	111	56	110	56	
Điểm 10		76	104	4	10	4	6	4	6	4	
Điểm 9		80	38	27	37	26	42	28	42	28	
Điểm 8		59	21	5	19	4	38	17	37	17	
Điểm 7		24	13	2	12	2	11	5	11	5	
Điểm 6		13	4		4		9	1	9	1	
Điểm 5		7	2		2		5	1	5	1	
Danh điểm 5											

Song Khê, ngày 25/5/2023



Lâm Thị Mai